

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 05 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền

Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp 2B, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Việt H trình bày: Bà Trần Thị N làm chủ hui và ông có tham gia các dây hui cụ thể như sau:

- Ngày 10/01/2019 âm lịch, bà N mở dây hui loại 1.000.000 đồng, gồm 27 phần, mỗi tháng mở hui 01 lần, ông tham gia 01 phần, đóng được 24 kỳ thì bà N ngừng hui. Bà N còn thiếu ông 24 kỳ hui sống bằng 24.000.000 đồng.

- Ngày 20/8/2019 âm lịch, bà N mở dây hui loại 500.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hui 01 lần, ông tham gia 03 phần, đóng được 17 kỳ thì bà N ngừng hui. Bà N còn thiếu ông 17 kỳ hui sống của 03 phần hui bằng 25.500.000 đồng.

- Ngày 22/8/2019 âm lịch, bà N mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 25 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, ông tham gia 01 phần, đóng được 17 kỳ thì bà N ngừng hụi. Bà N còn thiếu ông 17 kỳ hụi sống bằng 34.000.000 đồng.

- Ngày 12/01/2020 âm lịch, bà N mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 19 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, ông tham gia 02 phần, đóng được 12 kỳ thì bà N ngừng hụi. Bà N còn thiếu ông 24 kỳ hụi sống của 02 phần hụi bằng 48.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà N thiếu ông là 131.500.000 đồng (trong đó vốn hụi là 83.800.000 đồng và lãi hụi là 47.700.000 đồng), bà N đã trả được 13.500.000 đồng, còn nợ lại 118.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà N trả cho ông số tiền hụi là 118.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về việc ông H tham gia 04 dây hụi, số lần hụi sống mà ông H đã đóng ở 04 dây hụi và số tiền bà đã trả cho ông H là 13.500.000 đồng. Hiện nay do những người tham gia hụi khác không đóng tiền hụi cho bà nên bà không có khả năng trả tiền theo yêu cầu của ông H. Bà xin ông H phần lãi hụi hàng tháng. Bà sẽ trả vốn hụi cho ông H số tiền 83.800.000 đồng, trong đó bà đã trả được 13.500.000 đồng, bà sẽ trả tiếp 70.300.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Việt H trình bày bổ sung: Do bà N gặp khó khăn trong làm ăn nên ông đồng ý cho bà N phần lãi hụi. Ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay ông yêu cầu bà N trả cho ông vốn hụi số tiền 70.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt H đối với lãi hụi số tiền 47.700.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông H chỉ yêu cầu bà N trả cho ông vốn hụi ông đã đóng ở 04 dây hụi là 70.300.000 đồng. Do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi hụi của ông H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Việt H đòi bị đơn bà Trần Thị N trả vốn hụi số tiền 70.300.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa bị đơn bà N thừa nhận có nợ ông H vốn hụi tổng số tiền 83.800.000 đồng, đã trả được 13.500.000 đồng, còn nợ lại 70.300.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của

cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Như vậy, bà N còn nợ ông H số tiền 70.300.000 đồng là có thật. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà N trả cho ông H số tiền 70.300.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bà N.

Ông H không phải chịu án phí, ông H đã dự nộp tạm ứng án phí, được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 14, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi hui số tiền 47.700.000 đồng của nguyên đơn ông Nguyễn Việt H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Việt H.

Buộc bà Trần Thị N trả cho ông Nguyễn Việt H số tiền 70.300.000 đồng (Bảy mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị N được miễn án phí.

- Ông Nguyễn Việt H không phải chịu án phí. Ngày 16/11/2021 ông H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.950.000 đồng theo Biên lai thu số 0004135 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Việt H, bị đơn bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà